



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (CBPF)

ĐIỀU LỆ QUỸ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018

CHUBB

Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life
Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 11

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ 11

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 11

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 11

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán 11

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ 12

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ 12

Điều 7. Ngân hàng Giám sát 12

Điều 8. Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan 12

CHƯƠNG II - CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 13

Điều 9. Mục tiêu đầu tư 13

Điều 10. Chiến lược đầu tư 13

Điều 11. Hạn chế đầu tư 14

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ 15

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư 16

CHƯƠNG III - NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 17

Điều 14. Nhà Đầu tư 17

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư 17

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư 17

Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 18

Điều 18. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ 25

Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Bán, Giá Mua lại và các giá dịch vụ khác 26

Điều 20. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ 27

CHƯƠNG IV - ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 28

Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư 28

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư 28

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư 29

Điều 24. Lấy ý kiến bằng văn bản của Đại hội Nhà Đầu tư và thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 30

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư 32

CHƯƠNG V - BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 33

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ 33

Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ 33

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ 33

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ 34

Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ 35

Điều 31. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	35
Điều 32. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.....	36
CHƯƠNG VI - CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	38
Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ.....	38
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	38
Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ.....	42
Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	42
CHƯƠNG VII - NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	44
Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát.....	44
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát.....	44
Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát.....	45
Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát.....	47
CHƯƠNG VIII - CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN.....	49
Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền.....	49
Điều 42. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan.....	49
Điều 43. Trách nhiệm của Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan.....	50
Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	50
Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	51
CHƯƠNG IX - ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	53
Điều 46. Hoạt động và tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối.....	53
Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ.....	54
Điều 48. Chấm dứt hoạt động của Đại lý Phân phối.....	55
Điều 49. Hoạt động của Đại lý Ký danh.....	55
CHƯƠNG X - KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	58
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	58
Điều 51. Năm Tài chính.....	58
Điều 52. Chế độ kế toán.....	58
Điều 53. Báo cáo tài chính.....	58
Điều 54. Báo cáo khác.....	59
CHƯƠNG XI - GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	60
Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.....	60
Điều 56. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.....	60
Điều 57. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	61
Điều 58. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ.....	62
Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	63
CHƯƠNG XII - LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ.....	64
Điều 60. Thu nhập của Quỹ.....	64

Điều 61. Lợi nhuận của Quỹ 64

Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ 65

CHƯƠNG XIII - TÁI CƠ CẤU QUỸ 67

Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập 67

Điều 64. Các điều kiện tách Quỹ 67

Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ 67

CHƯƠNG XIV - GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 68

Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ 68

CHƯƠNG XV - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ 69

Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư 69

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ 69

Điều 69. Đăng ký Điều lệ quỹ 69

Điều 70. Điều khoản thi hành 70

PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 71

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 73

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 74

PHỤ LỤC 04: ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN 75

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (“Luật Chứng khoán”) được Quốc hội thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010;
2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (“Nghị định 58”) ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ;
3. Nghị định 60/2015/NĐ-CP (“Nghị định 60”) ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính;
5. Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;
6. Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016;
7. Thông tư số 212/2012/TT-BTC (“Thông tư 212”) ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư số 155/2015/TT-BTC (“Thông tư 155”) ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
9. Thông tư số 242/2016/TT-BTC (“Thông tư 242”) ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và
10. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan khác.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Ngoài các thuật ngữ khác được viết hoa trong Điều lệ quỹ, trừ trường hợp ngữ cảnh có yêu cầu khác đi, các thuật ngữ viết hoa dưới đây sẽ được hiểu theo bảng dưới đây. Nếu có các thuật ngữ, định nghĩa nào khác được viết hoa mà không được quy định trong Điều lệ quỹ thì sẽ được hiểu và giải thích theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

<p>“Quỹ” hoặc “Quỹ CBPF”</p>	<p>là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “Chubb Life FMC”</p>	<p>là Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013 hoặc một công ty quản lý quỹ thay thế cho Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life, được uỷ thác quản lý Quỹ CBPF phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật và có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Ngân hàng Giám sát”</p>	<p>là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo Pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện; và có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ quỹ và Hợp đồng Giám sát;</p>
<p>“Đại lý Chuyển nhượng” hoặc “Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng”</p>	<p>là tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng (được quy định tại khoản 2 Điều 41 dưới đây) cho Công ty Quản lý Quỹ theo Hợp đồng Đại lý Chuyển nhượng và có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng Đại lý Chuyển nhượng và Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Đại lý Ký danh”</p>	<p>là tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Ký danh (được quy định tại khoản 1 Điều 49 dưới đây) cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan (tùy từng trường hợp cụ thể) theo Hợp đồng Đại lý Ký danh và có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng Đại lý Ký danh và Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Đại lý Phân phối”</p>	<p>là tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Phân phối (được quy định tại khoản 4 Điều 46 dưới đây) cho Công ty Quản lý</p>

Quỹ theo Hợp đồng Đại lý Phân phối và có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng Đại lý Phân phối và Điều lệ quỹ;

<p>“Công ty Kiểm toán”</p>	<p>là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định hoặc ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ chỉ định, theo quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ;</p>
<p>“Điều lệ quỹ”</p>	<p>bao gồm văn bản này, các phụ lục kèm theo và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) bằng văn bản quy định quy chế quản lý Quỹ CBPF tùy từng thời điểm;</p>
<p>“Bản cáo bạch”</p>	<p>là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi Chubb Life FMC, công khai những thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ Quỹ CBPF. Bản cáo bạch sẽ được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng về Quỹ CBPF;</p>
<p>“Hợp đồng Giám sát”</p>	<p>là một hợp đồng giám sát và lưu ký được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư;</p>
<p>“Hợp đồng Đại lý Chuyên nhượng”</p>	<p>là một hợp đồng đại lý chuyên nhượng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Chuyên nhượng về việc Đại lý Chuyên nhượng cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng cho Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Hợp đồng Đại lý Ký danh”</p>	<p>là một hợp đồng đại lý ký danh được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan (tùy từng trường hợp cụ thể) và Đại lý Ký danh về việc Đại lý Ký danh cung cấp Dịch vụ Đại lý Ký danh cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Hợp đồng Đại lý Phân phối”</p>	<p>là một hợp đồng đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối về việc Đại lý Phân phối cung cấp Dịch vụ Đại lý Phân phối cho Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Hợp đồng Quản trị Quỹ”</p>	<p>là một hợp đồng dịch vụ quản trị quỹ được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ về việc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ;</p>
<p>“Nhà Đầu tư”</p>	<p>là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong nước và nước ngoài</p>

	nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, không bao gồm cá nhân/tổ chức Hoa Kỳ hoặc có yếu tố hoặc dấu hiệu Hoa Kỳ (xem thêm ở phần IX, 2.1. Ghi chú quan trọng - Bản cáo bạch);
“Đại hội Nhà Đầu tư”	là đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ;
“Ban Đại diện Quỹ”	là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;
“Vốn Điều lệ”	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ quỹ.
“Đơn vị Quỹ”	là Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ;
“Chứng chỉ Quỹ CBPF” hay “Chứng chỉ Quỹ” hay “CCQ”	là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện Quỹ CBPF phát hành, dưới dạng ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu;
“Giá Bán/Giá Phát hành”	là giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá Bán/Giá Phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm Giá dịch vụ Phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ; hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ Phát hành đã được quy định tại Điều lệ quỹ;
“Giá Mua lại”	là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu tư để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại;
“Giá dịch vụ Quản lý quỹ”	là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cho việc cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại khoản 1 Điều 62 dưới đây;
“Giá dịch vụ Mua lại”	là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ như được quy định tại khoản 4 Điều 19 dưới đây;

“Giá dịch vụ Phát hành”	là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ Quỹ như được quy định tại khoản 4 Điều 19 dưới đây;
“Giá dịch vụ Chuyển đổi”	là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ như được quy định tại khoản 4 Điều 19 dưới đây;
“Giá dịch vụ Chuyển nhượng”	là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ như được quy định tại khoản 4 Điều 19 dưới đây;
“Dịch vụ Quản trị Quỹ”	là dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều 41 dưới đây do Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ theo Hợp đồng Quản trị Quỹ, và phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ;
“Giá dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng”	là giá dịch vụ phải trả cho Đại lý Chuyên nhượng cho việc cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng như được quy định tại khoản 3 Điều 62 dưới đây;
“Giá dịch vụ Giám sát”	là giá dịch vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát cho việc cung cấp dịch vụ giám sát như được quy định tại khoản 2 Điều 62 dưới đây;
“Giá dịch vụ Lưu ký tài sản”	là giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ phải trả cho Ngân hàng Giám sát như được quy định tại khoản 2 Điều 62 dưới đây;
“Giá dịch vụ Quản trị quỹ”	là giá dịch vụ phải trả cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ cho việc cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ như được quy định tại khoản 3 Điều 62 dưới đây;
“Cổ tức Quỹ”	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư;
“Năm Tài chính”	có nghĩa như được nêu tại Điều 51 dưới đây;
“Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ” hoặc “NAV”	có nghĩa như được nêu tại khoản 1 Điều 56 dưới đây;
“Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ”	có nghĩa như được nêu tại khoản 2 Điều 56 dưới đây;
“Ngày Định giá”	là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ.

“Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ” hoặc “Ngày Giao dịch”	Là ngày định giá mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm Đóng Sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện tại Ngày Giao dịch. Thời điểm Đóng Sổ lệnh được công bố tại Bản cáo bạch hoặc theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ;
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại lý Phân phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại lý Phân phối được ủy quyền để nhận lệnh từ Nhà Đầu tư;
“Đơn Đăng ký”	là đơn đăng ký mua/bán/chuyển đổi/chuyển nhượng Đơn vị Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể;
“Lệnh Bán”	là lệnh của Nhà Đầu tư yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ;
“Lệnh Chuyển đổi”	là lệnh của Nhà Đầu tư yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu của Nhà Đầu tư sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý theo quy định tại Điều lệ quỹ;
“Lệnh Chuyển nhượng”	là lệnh của Nhà Đầu tư yêu cầu cho việc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ;
“Lệnh Mua”	là lệnh của Nhà Đầu tư yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ;
“Lệnh được Chấp nhận”	là từng Lệnh Bán được Chấp nhận hoặc Lệnh Mua được Chấp nhận hoặc Lệnh Chuyển đổi được Chấp nhận hoặc Lệnh Chuyển nhượng được Chấp nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các lệnh trên trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh;
“Ngày Làm việc”	là một ngày làm việc bất kỳ không phải là thứ Bảy, Chủ nhật, hoặc ngày nghỉ lễ tại Việt Nam;
“Người có Liên quan”	có nghĩa như được quy định tại khoản 34 Điều 6 của Luật chứng khoán, khoản 4 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản có liên quan (nếu có);
“Pháp luật”	là pháp luật của Việt Nam;
“Sơ Giao dịch chứng	bao gồm Sơ Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí

khoan	Mình (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
“Thuế GTGT”	là thuế giá trị gia tăng theo quy định của Pháp luật;
“Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan”	là Đại lý Chuyên nhượng và/hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể;
“Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ”	là tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ theo Hợp đồng Quản trị Quỹ và có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng Quản trị Quỹ và Điều lệ quỹ;
“TP.HCM”	là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
“UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
“Việt Nam”	là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
“VNĐ” hoặc “đồng”	là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
“AML”	là phòng chống rửa tiền;
“KYC”	là nhận biết khách hàng; và
“CSI”	là chương trình đầu tư định kỳ Chubb.

CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt:	QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB
Tên tiếng Anh:	Chubb Bond Plus Fund
Tên viết tắt:	CBPF
Loại hình quỹ:	Quỹ mở
Địa chỉ liên hệ:	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam
Điện thoại:	(8428) 3914.1666
Fax:	(8428) 3821 6777

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động. Thời hạn hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Chubb Life FMC nhận được Giấy chứng nhận thành lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- 3.1. Quỹ là một quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Pháp luật và các quy định trong Điều lệ quỹ.
- 3.2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ CBPF có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành và chào bán cho Nhà Đầu tư theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 3.3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà Đầu tư.
- 3.4. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và quy định của Pháp luật.
- 3.5. Chubb Life FMC được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định là đại diện hợp pháp để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
- 3.6. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Chubb Life FMC đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tài sản của Quỹ CBPF được lưu ký tại Ngân hàng lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng Giám sát.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

- 4.1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Số vốn này được chia thành 5.000.000 (năm triệu) Đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng).

4.2. Nhà Đầu tư góp vốn bằng tiền đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Chubb Life FMC được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ CBPF ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life

Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013, Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 6 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp ngày 21 tháng 9 năm 2015, và Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 4 năm 2016.

Trụ sở chính: Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (8428) 3914 1666

Fax: (8428) 3821 6777

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo Pháp luật, theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Trụ sở chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (8424) 3936 8000

Fax: (8424) 3248 4355

Điều 8. Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan

8.1 Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ

Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Tên giao dịch: Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép hoạt động số 236/GPNHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015

Trụ sở chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (8424) 3936 8000

Fax: (8424) 3248 4355

8.2 Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ

Trụ sở chính: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (8424) 3974 7123

Fax: (8424) 3974 7120

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

10.1. Chiến lược đầu tư

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày Giao dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

10.2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Các lĩnh vực, ngành nghề mà Quỹ CBPF dự định đầu tư sẽ bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) tài chính, ngân hàng;
- b) viễn thông;
- c) dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- d) y tế và giáo dục;
- e) bất động sản, xây dựng và phát triển hạ tầng; và
- f) các ngành nghề được Pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Chubb Life FMC.

10.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật;
- b) ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan;
- c) trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật;
- e) cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; và
- g) quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

10.4. Chubb Life FMC chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b Khoản 3 Điều 10 này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

10.5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- b) đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và
- c) có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.

Điều 11. Hạn chế đầu tư

11.1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh theo quy định tại điểm f khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo Phụ lục số 4 của Điều lệ quỹ;
- b) không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- c) không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

- d) không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ;
 - e) tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
 - f) không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - g) không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và
 - h) Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trở lên.
- 11.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g khoản 1 Điều 11 này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 11 này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
 - d) do hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
 - e) do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 11.3. Chubb Life FMC phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 11 này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
- 11.4. Trường hợp sai lệch là do Chubb Life FMC không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Chubb Life FMC có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Chubb Life FMC phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

- 12.1. Chubb Life FMC không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ.
- 12.2. Chubb Life FMC không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- 12.3. Chubb Life FMC không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không

được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

- 12.4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- 13.1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá

Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.

- 13.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ và trái phiếu

Lựa chọn các công cụ nợ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với đường cong lãi suất.

- 13.3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Lựa chọn một danh mục các cổ phiếu có giá trị cơ bản, vốn hóa lớn, có vị thế trong ngành, hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt và đang được định giá thấp hơn giá trị thị trường.

CHƯƠNG III**NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ****Điều 14. Nhà Đầu tư**

- 14.1. Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, không bao gồm cá nhân hoặc tổ chức Hoa Kỳ hoặc có yếu tố hoặc dấu hiệu Hoa Kỳ (xem thêm ở phần IX, 2.1. Ghi chú quan trọng - Bản cáo bạch). Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- 14.2. Nhà Đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được Pháp luật công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Chubb Life FMC, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký và đóng dấu.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

15.1. Nhà Đầu tư có các quyền sau đây:

- a) quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính theo quy định;
- b) hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
- c) hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- d) yêu cầu Chubb Life FMC thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
- e) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư; và
- f) các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

15.2. Nhà Đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) cung cấp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu;
- b) chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- c) thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- d) kịp thời cập nhật cho Chubb Life FMC và Đại lý Phân phối có liên quan về những thay đổi thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư; và
- e) các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư

- 16.1. Chubb Life FMC thực hiện hoặc ủy quyền cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan lập sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (Sổ chính) hoặc Đại lý Ký danh (nếu có) lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư phụ (Sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
- 16.2. Sổ chính, Sổ phụ phải có các thông tin sau:

- a) tên, địa chỉ trụ sở chính của Chubb Life FMC; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ;
- b) thông tin về Nhà Đầu tư, bao gồm:
 - đối với cá nhân: họ và tên của Nhà Đầu tư; số Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) (nếu có);
 - đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thời hạn ủy quyền của tổ chức với cá nhân được ủy quyền;
- c) số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
- d) số lượng và tỉ lệ sở hữu Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính); và
- e) ngày lập Sổ chính, Sổ phụ.

16.3. Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh (trừ Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

17.1. Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- a) Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Chubb Life FMC phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ, theo quy định tại Điều 17.2 và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.
- b) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC, hoặc được gửi tới Chubb Life FMC hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan. Chubb Life FMC hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đặt lệnh giao dịch tại mọi Đại lý Phân phối đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.
- c) Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định (“**Phiếu lệnh**”). Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, và bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh và người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện

từ, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ Phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

- d) Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh. Tùy theo quy định tại Bản cáo bạch, lệnh nhận sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh bị hủy hoặc tiếp tục có giá trị để thực hiện tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ kế tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 17 dưới đây.
- e) Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại Sổ chính, Sổ phụ và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định.
- f) Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày, sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, nếu Đại lý Phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý Phân phối phải thông báo cho Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu tư về các lỗi giao dịch.
- g) Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và Đại lý Ký danh phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư theo mẫu quy định.
- h) Chubb Life FMC, Người có Liên quan của Chubb Life FMC được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định tại Điều 19 Điều lệ quỹ.
- i) Nhà Đầu tư có thể liên tục giao dịch các Đơn vị Quỹ kể từ Ngày Giao dịch đầu tiên.
- j) Số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu mà Nhà Đầu tư phải duy trì trong tài khoản là một trăm (100).
- k) Nhà Đầu tư có thể tham gia mua Đơn vị Quỹ theo CSI. Theo đó, Nhà Đầu tư lựa chọn CSI có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng để mua các Đơn vị Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Đơn vị Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, Thời điểm Đóng Sổ lệnh, phí giao dịch áp dụng đối với CSI sẽ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

17.2. Tần suất giao dịch

Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là Ngày Giao dịch “T” được quy định trong Bản cáo bạch.

Các Lệnh được Chấp nhận nhận được trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao dịch đó.

Việc thay đổi Ngày Giao dịch do nghi lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử (website) của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn. Chubb Life FMC có thể thay đổi Ngày Giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong Điều lệ quỹ được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại lý Phân phối cụ thể mà Nhà Đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại lý Phân phối đó.

17.3. Thời điểm Đóng Sổ lệnh

Thời điểm Đóng Sổ lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển đổi hoặc Lệnh Chuyển nhượng để thực hiện trong Ngày Giao dịch và cho việc thanh toán các Lệnh mua được quy định chi tiết như sau:

Thời điểm Đóng Sổ lệnh cho Ngày Giao Dịch “T”

Giờ đóng sổ lệnh		
	Thanh toán ⁽¹⁾	Hồ sơ ⁽²⁾
Mua	15h00 ngày T-1	14h30 ngày T-1
Bán, Chuyển đổi, Chuyển nhượng, Hủy lệnh		14h30 ngày T-1

(1): Ngân hàng Giám sát nhận được tiền thanh toán mua Đơn vị Quỹ tại tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát trước mười lăm (15h00) giờ ngày T-1.

(2): Thời điểm Đóng Sổ lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ với Đại lý Phân phối
 Thời điểm Đóng Sổ lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh, tuy nhiên phụ thuộc vào việc Đại lý Chuyển nhượng nhận được bản sao của Đơn Đăng ký/lệnh giao dịch trên hệ thống của họ trước mười bốn giờ ba mươi phút (14h30) ngày T-1, tức là Ngày Làm Việc trước Ngày Giao dịch T. Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại Điểm Nhận Lệnh đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại lý Phân phối trước mười bốn giờ ba mươi phút (14h30) ngày T-1, NAV của Ngày Giao dịch T sẽ được áp dụng.

17.4. Giao dịch muộn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh cho Ngày Giao dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao dịch tiếp theo, trừ trường hợp Nhà Đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

17.5. Mua Đơn vị Quỹ

a) Đơn Đăng ký

Nhà Đầu tư mua Đơn vị Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng ký. Đơn Đăng ký được cung cấp tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn. Đơn Đăng ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng ký đối với mỗi cá nhân/tổ chức hay người được hưởng lợi hay người được ủy quyền. Tất cả các Đơn Đăng ký phải được ký và đóng dấu đầy đủ, nếu có áp dụng.

Nhà Đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng ký. Thông tin này sẽ được lưu lại trong sổ đăng ký của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Nhà Đầu tư nhằm đảm bảo Nhà

Đầu tư nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.

Nhà Đầu tư mua Đơn vị Quỹ tại các lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng ký hay có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh hay trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn.

Nhà Đầu tư nếu muốn có thể đặt lệnh giao dịch tại hơn một Đại lý Phân phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý Phân phối mà Nhà Đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại lý Phân phối khác nhau của cùng một Nhà Đầu tư được quản lý độc lập, do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý Phân phối. Nhà Đầu tư chỉ có thể nộp các phiếu Lệnh Bán, Chuyển đổi, Chuyển nhượng, Hủy lệnh hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại lý Phân phối ở bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại lý Phân phối đó.

b) Xử lý Đơn Đăng ký/phiếu Lệnh Mua

Nhà Đầu tư có thể nộp Đơn Đăng ký hoặc phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Làm việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại lý Phân phối nào.

Đại lý Phân phối sẽ chuyển hồ sơ đăng ký cho Đại lý Chuyển nhượng, là tổ chức sẽ đại diện tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm hồ sơ cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ đăng ký. Chubb Life FMC được quyền từ chối hồ sơ trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký.

Lệnh Mua và việc thanh toán cho Lệnh Mua có thể được thực hiện bởi chính Nhà Đầu tư hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu tư (Phiếu Lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu tư được hưởng lợi). Tiền mua cần được chuyển vào tài khoản của Quỹ để Ngân hàng Giám sát nhận được đúng hạn và Đại lý Chuyển nhượng hoàn thành xử lý việc đăng ký mua. Mọi khoản đầu tư vào Đơn vị Quỹ đều thực hiện bằng tiền đồng.

Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán Lệnh Mua nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh Mua và không thấp hơn giá trị lệnh Mua tối thiểu thì số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối căn cứ vào số tiền đăng ký ghi trong Lệnh Mua. Số tiền chênh lệch sẽ được chuyển trả lại (không có lãi và sau khi trừ phí chuyển khoản (nếu có) cho Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) Ngày Làm việc kể từ Ngày Giao dịch; hoặc thực hiện theo yêu cầu Lệnh Mua của Nhà Đầu tư cho Ngày Giao dịch Chứng chỉ quỹ kế tiếp.

Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán Lệnh Mua ít hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh Mua, Lệnh Mua coi như không hợp lệ và bị từ chối.

c) Tuân thủ

Đơn Đăng ký được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho Chubb Life FMC nhằm tuân thủ các quy định về KYC và AML. Vì vậy, tất cả các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo quy định của Pháp luật, tất cả các Nhà Đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà Đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà Đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của luật áp dụng đối với thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác ban hành bởi Chính phủ Việt Nam hay Chính phủ sở tại của Nhà Đầu tư ở các thời điểm khác nhau. Nhà Đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Đơn vị Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định của Pháp luật hiện hành, Nhà Đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền đồng tại một ngân hàng lưu ký ở Việt Nam và cần xin cấp mã số giao dịch chứng khoán và hoàn thành đầy đủ các yêu cầu của Pháp luật hiện hành trước khi đăng ký mua Đơn vị Quỹ. Nhà đầu tư nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) cho Đại lý Phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà Đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về Pháp luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

d) Chấp nhận Đơn Đăng ký/phiếu Lệnh Mua

Chubb Life FMC có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng ký nào theo các điều khoản của Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà Đầu tư. Các Lệnh Mua được Chấp nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao dịch kế tiếp.

Trong trường hợp Chubb Life FMC từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi và sau khi trừ phí chuyển khoản (nếu có) cho Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) Ngày Làm việc kể từ ngày Chubb Life FMC thông báo cho Đại lý Chuyển nhượng về việc từ chối đó.

Đơn vị Quỹ sẽ chỉ được ghi nhận vào tài khoản của Nhà Đầu tư hay của Đại lý Ký danh khi đại lý chuyển nhượng cập nhật quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư hay của Đại lý Ký danh tại sổ chính. Lệnh Mua thành công của Nhà Đầu tư hay Đại lý Ký danh sẽ được thông báo trong vòng ba (03) Ngày Làm việc từ Ngày Giao dịch.

Số lượng Đơn vị Quỹ sẽ được làm tròn đến hai số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba. Số Đơn vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư hoặc bất kỳ hình thức tái cấu trúc (tách, hợp nhất, sáp nhập) nào của Quỹ.

e) Tạm dừng thực hiện Lệnh Mua

Nhà Đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua của Nhà Đầu tư cùng với tất cả các Lệnh Mua khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê trong Điều 18 dưới đây.

Trong trường hợp các giao dịch Đơn vị Quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua được Chấp nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

f) Giá dịch vụ Phát hành

Đơn vị Quỹ được phát hành tại Ngày Giao dịch cho mỗi Đơn vị Quỹ cộng với Giá dịch vụ Phát hành. Giá dịch vụ Phát hành được thanh toán cho Chubb Life FMC khi phát hành Chứng chỉ Quỹ.

Chubb Life FMC có thể thay đổi Giá dịch vụ Phát hành đối với Đơn vị Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng Giá dịch vụ Phát hành chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ Phát hành sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ Phát hành mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.

17.6. Bán Đơn vị Quỹ

a) Phiếu Lệnh Bán

Nhà Đầu tư có thể bán Đơn vị Quỹ vào bất kỳ Ngày Giao dịch nào bằng cách nộp Lệnh Bán tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh cho Ngày Giao dịch đó. Phiếu Lệnh Bán được đính kèm theo Đơn Đăng ký hoặc có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn. Tất cả các phiếu Lệnh Bán phải được ký tên đầy đủ và đóng dấu, nếu có áp dụng.

b) Xử lý Lệnh Bán

Nhà Đầu tư đặt Lệnh Bán bằng số Đơn vị Quỹ muốn bán.

Đại lý Chuyển nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh cho Ngày Giao dịch kế tiếp, và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà Đầu tư có đủ số Đơn vị Quỹ trong tài khoản để bán. Đơn vị Quỹ sẽ được bán theo nguyên tắc mua trước, bán trước.

Lệnh Bán được Chấp nhận không thuộc trường hợp được thực hiện một phần bởi các điều kiện liên quan đến Lệnh Bán một phần như trong Điều 18 dưới đây sẽ được giao dịch tại NAV tại Ngày Giao dịch trừ đi Giá dịch vụ Mua lại và thuế (nếu có), dựa trên ngày giờ nhận Lệnh Bán xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.

Sau khi thực hiện các Lệnh Bán được Chấp nhận, số Đơn vị Quỹ đã bán sẽ được trừ ra từ tổng số Đơn vị Quỹ có trong tài khoản của Nhà Đầu tư và bảng kê mới về số Đơn vị Quỹ nắm giữ sẽ được gửi đến Nhà Đầu tư.

Giá Mua lại (sau khi đã trừ Giá dịch vụ Mua Lại và thuế) sẽ được thanh toán trong vòng năm (05) Ngày Làm việc kể từ Ngày Giao dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền Giá Mua lại tới tài khoản của Nhà Đầu tư sẽ được khấu trừ từ Giá Mua lại.

Giá Mua lại sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu tư với số tài khoản đã đăng ký trong Sổ chính. Nhà Đầu tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ chính là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được Giá Mua lại.

c) Lệnh Bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu

Lệnh Bán tối thiểu là một trăm (100) Đơn vị Quỹ, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn vị Quỹ nắm giữ về không (0) và đóng tài khoản.

Trong trường hợp việc thực hiện Lệnh Bán của Nhà đầu tư dẫn đến số Đơn vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu là một trăm (100) (trừ trường hợp ngoại lệ nêu trên), Lệnh Bán sẽ bị từ chối. Chubb Life FMC có quyền thay đổi các mức bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu này trong từng thời điểm.

d) Thực hiện một phần Lệnh Bán và tạm dừng thực hiện Lệnh Bán

Nhà Đầu tư cần lưu ý là trong một số trường hợp, Lệnh Bán sẽ không thể thực hiện toàn bộ hoặc Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện.

Các trường hợp này được quy định chi tiết tại Điều 18 dưới đây.

Trong trường hợp các lệnh giao dịch Đơn vị Quỹ bị tạm dừng thực hiện, Lệnh Bán đã nhận sẽ được thực hiện tại Ngày Giao dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

e) Giá dịch vụ Mua lại

Giá dịch vụ Mua lại được tính theo phần trăm (%) của NAV tại Ngày Giao dịch trên một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ Mua lại. Nếu được áp dụng, thuế giao dịch chứng khoán sẽ được trừ từ tổng giá trị bán.

Giá Mua lại trên một Đơn vị Quỹ = NAV tại Ngày Giao dịch trên một Đơn vị Quỹ x (1 – Giá dịch vụ Mua lại trên một Đơn vị Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Giá dịch vụ Mua lại phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng mức Giá dịch vụ Mua lại chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ Mua lại sau khi tăng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ Mua lại mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức Giá dịch vụ Mua lại mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.

17.7. Chuyển đổi Đơn vị Quỹ

- a) Nhà Đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi quỹ khi Chubb Life FMC có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
- b) Nhà Đầu tư có thể thực hiện Lệnh Chuyển đổi để được chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Chubb Life FMC quản lý.
- c) Chubb Life FMC sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà Đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC và hệ thống Đại lý Phân phối.
- d) Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - i. Lệnh Bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

iii. Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán Giá dịch vụ Chuyển đổi, không phải thanh toán Giá Bán, Giá dịch vụ Mua lại đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;
- Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện.

17.8. Chuyển nhượng Đơn vị Quỹ

a) Lệnh Chuyển nhượng

Nhà Đầu tư có thể chuyển nhượng Đơn vị Quỹ cho Nhà Đầu tư khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc theo phán quyết hoặc theo lệnh của tòa án. Chuyển nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Đơn vị Quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Đơn vị Quỹ. Nhà Đầu tư thực hiện Lệnh Chuyển nhượng bằng cách điền Lệnh Chuyển nhượng với số tiền chuyển nhượng phải bằng hoặc lớn hơn số dư tối thiểu khi mở tài khoản.

b) Xử lý các Lệnh Chuyển nhượng

Nhà Đầu tư muốn thực hiện việc chuyển nhượng hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp Lệnh Chuyển nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Lệnh Chuyển nhượng được kèm theo Đơn Đăng ký tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà Đầu tư, người nhận chuyển nhượng Đơn vị Quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định cho người mua Đơn vị Quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế để được sở hữu Đơn vị Quỹ nhận thừa kế theo yêu cầu của Chubb Life FMC phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành về thừa kế.

c) Tuân thủ

Để tuân thủ các quy định về KYC và AML, người nhận chuyển nhượng Đơn vị Quỹ sẽ phải tuân theo các thủ tục như khi mở tài khoản mới. Quỹ và Chubb Life FMC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc chuyển nhượng.

d) Xác nhận Lệnh Chuyển nhượng

Các Lệnh Chuyển nhượng được Chấp nhận được thực hiện bởi Đại lý Chuyển nhượng tại Ngày Giao dịch.

e) Giá dịch vụ Chuyển nhượng

Giá dịch vụ Chuyển Nhượng là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) cho một giao dịch chuyển nhượng, do bên chuyển nhượng thanh toán.

17.9. Hủy lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ

Nhà Đầu tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp Phiếu Hủy lệnh cho các Điểm Nhận Lệnh của Đại lý Phân phối của họ trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh áp dụng cho các giao dịch đó.

Điều 18. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- 18.1. Chubb Life FMC có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh Bán, Lệnh Mua, Lệnh Chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a) tổng giá trị các Lệnh Bán được Chấp nhận (kể cả Lệnh Bán từ hoạt động chuyên đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua (kể cả Lệnh Mua từ hoạt động chuyên đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc
 - b) việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng); hoặc
 - giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu tư thấp hơn một số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ (nếu có).
- 18.2. Đối với việc mua lại một phần của Lệnh Bán, Lệnh Chuyển đổi, Chubb Life FMC được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, tức là phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, mức tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản tối thiểu sẽ không áp dụng.
- 18.3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 này, Chubb Life FMC được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 18.4. Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a) Chubb Life FMC không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;
 - b) Chubb Life FMC không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
 - c) các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- 18.5. Chubb Life FMC phải báo cáo Ban Đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều 18 này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ ngay sau khi sự kiện đó chấm dứt.
- 18.6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ CBPF không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
- 18.7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 6 của Điều 18 này, Chubb Life FMC phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 18.8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Chubb Life FMC được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Bán, Giá Mua lại và các giá dịch vụ khác

- 19.1. Giá phát hành lần đầu của một Đơn vị Quỹ bằng mệnh giá cộng thêm Giá dịch vụ Phát hành quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch.

- 19.2. Giá Bán/Giá Phát hành (các lần phát hành tiếp theo) một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Chubb Life FMC, bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá dịch vụ Phát hành (cho các lần phát hành tiếp theo).
- 19.3. Giá Mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Chubb Life FMC phải thanh toán cho Nhà Đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ Mua lại.
- 19.4. Quy định về các mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ như sau:
- Giá dịch vụ Phát hành:
 - Đối với đợt phát hành lần đầu (IPO): không áp dụng.
 - Đối với các đợt phát hành tiếp theo: tối đa không phải năm phần trăm (0,5%) tổng giá trị giao dịch
- Mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được công bố tại Bản cáo bạch.
- Giá dịch vụ Mua lại: Tối đa một phần trăm (1,0%) tổng giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được công bố tại Bản cáo bạch.
 - Giá dịch vụ Chuyển đổi: Tối đa một phần trăm (1,0%) tổng giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được công bố tại Bản cáo bạch.
 - Giá dịch vụ Chuyển nhượng: Nhà Đầu tư phải trả một mức Giá dịch vụ Chuyển Nhượng duy nhất là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn vị Quỹ. Giá dịch vụ Chuyển nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán.
- 19.5. Ngoại trừ các khoản giá dịch vụ phải trả theo quy định tại Điều lệ quỹ, Giá dịch vụ Phát hành, Giá dịch vụ Mua lại (nếu có), Giá dịch vụ Chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản phí nào khác cho Quỹ, Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Phân phối khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 19.6. Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa theo quy định của Pháp luật. Thời điểm áp dụng mức phí mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch được cập nhật các nội dung thay đổi và được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Chubb Life FMC và/hoặc Đại lý Phân phối. Thời điểm công bố thông tin liên quan đến Bản cáo bạch sửa đổi là ngày thứ mười sáu (16) kể từ ngày nộp Bản cáo bạch cập nhật cho UBCKNN và không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản của UBCKNN.
- 19.7. Toàn bộ Giá dịch vụ Phát hành lần sau, Giá dịch vụ Mua lại và Giá dịch vụ Chuyển đổi, sau khi thanh toán chi phí hoa hồng cho Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh căn cứ trên Hợp đồng Đại lý Phân phối và Hợp đồng Đại lý Ký danh, còn lại sẽ được chuyển cho Chubb Life FMC.

Điều 20. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

- 20.1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 20.2. Chubb Life FMC sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư

- 21.1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư đều có quyền tham dự đại hội. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ quỹ. Chubb Life FMC, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu tư hoặc lấy ý bằng văn bản để biểu quyết và thông qua.
- 21.2. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên do Chubb Life FMC triệu tập và được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- 21.3. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được Chubb Life FMC triệu tập trong các trường hợp sau:
- a) Chubb Life FMC xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ;
 - c) theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội; hoặc
 - d) các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC có quyết định triệu tập họp bất thường hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.
- 21.4. Địa điểm họp Đại hội Nhà Đầu tư phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội Nhà Đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- 21.5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến của Đại hội Nhà Đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4 của Điều 22 dưới đây, tùy thuộc vào quyết định riêng của Chubb Life FMC, Chubb Life FMC có thể lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản theo thể thức quy định tại Điều lệ quỹ để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

Đại hội Nhà Đầu tư sẽ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- 22.1 sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Hợp đồng Giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;
- 22.2 quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- 22.3 tăng mức phí trả cho Chubb Life FMC, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;

- 22.4 sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
- 22.5 tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ;
- 22.6 giải thể Quỹ;
- 22.7 bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
- 22.8 lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ; và
- 22.9 các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

23.1. Chubb Life FMC phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư:

- a) lập thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu mười lăm (15) ngày và thông báo công khai cho Nhà Đầu tư tối thiểu mười (10) ngày trước khi tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư;
- b) chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ; và
- c) thực hiện các công việc khác phục vụ cuộc họp theo quy định tại Điều lệ quỹ và quy định của Pháp luật.

23.2. Nhà Đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà Đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo Pháp luật và phải được lập thành văn bản theo mẫu do Chubb Life FMC phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp.

23.3. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư

- a) Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.

23.4. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà Đầu tư

Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt và không có ủy quyền cho thành viên khác của Ban Đại diện Quỹ thì các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quỹ sẽ bầu ra một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp Ban Đại diện Quỹ vẫn không thể bầu ra

được chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số ở trên, người ký tên triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư sẽ đứng ra điều khiển cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp theo phương thức bỏ phiếu và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

23.5. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.

23.6. Một Nhà Đầu tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Nhà Đầu tư đó ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc một hình thức điện tử khác; hoặc
- d) Nhà Đầu tư đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax hoặc thư điện tử.

23.7. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại cuộc họp

Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi:

- a) trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản 7 Điều 23 này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành; và
- b) đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4 Điều 22 trên đây, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

23.8. Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư, Chubb Life FMC và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp và Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư, cung cấp cho Nhà Đầu tư (nếu có yêu cầu), cho UBCKNN và Ngân hàng Giám sát và Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC. Tất cả các biên bản họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lưu giữ ở trụ sở chính của Chubb Life FMC.

Điều 24. Lấy ý kiến bằng văn bản của Đại hội Nhà Đầu tư và thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

24.1. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà Đầu tư, Chubb Life FMC phải thực hiện các công việc và tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục như sau:

- a) quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
- b) phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
 - i) tên Công ty Quản lý Quỹ, tên Quỹ, địa chỉ liên hệ;
 - ii) lý do hỏi ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến (nếu có);

- iii) họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Nhà Đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ do Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - iv) phương án biểu quyết gồm: “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”;
 - v) thời hạn cuối cùng phải gửi về Chubb Life FMC phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - vi) họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Chubb Life FMC và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được ủy quyền hợp lệ;
- c) gửi phiếu hỏi ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư, cùng tài liệu liên quan, kể cả tài liệu giải trình dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư đến tất cả các Nhà Đầu tư có quyền cho ý kiến bằng văn bản và UBCKNN tối thiểu mười (10) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến về Chubb Life FMC.

Nhà Đầu tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Chubb Life FMC theo một trong các hình thức sau đây:

- gửi thư: Phiếu hỏi ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và con dấu (nếu có) của Nhà Đầu tư là tổ chức. Phiếu hỏi ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu hỏi ý kiến gửi về Chubb Life FMC qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu hỏi ý kiến gửi về Chubb Life FMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu hỏi ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu hỏi ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- d) phối hợp với Ban Đại diện Quỹ lập ban kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Thành phần Ban kiểm phiếu bao gồm (i) các thành viên Ban Đại diện Quỹ và (ii) người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của Chubb Life FMC. Các thành viên của Ban kiểm phiếu liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản kiểm phiếu.

Biên bản kiểm phiếu phải có những nội dung chủ yếu sau:

- i) tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- ii) tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép hoạt động Chubb Life FMC;
- iii) mục đích và các vấn đề cần hỏi ý kiến để thông qua quyết định;
- iv) số Nhà Đầu tư với tổng số phiếu tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu tư đã tham gia biểu quyết;
- v) các quyết định đã được thông qua; và

- vi) chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.
 - e) Phiếu hỏi ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Chubb Life FMC.
- 24.2. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.
- 24.3. Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, Chubb Life FMC, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và Quyết định Đại hội Nhà Đầu tư. Biên bản kiểm phiếu và Quyết định Đại hội Nhà đầu tư phải gửi cho Nhà Đầu tư (nếu có yêu cầu), UBCKNN, Ngân hàng Giám sát và và Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC. Tất cả các Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà Đầu tư được lưu giữ ở trụ sở chính của Chubb Life FMC.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

- 25.1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm (h) khoản 1 Điều 28 dưới đây) về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 có thể yêu cầu Chubb Life FMC mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác cùng thuộc quản lý của Chubb Life FMC mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do Chubb Life FMC quản lý, và phải được Nhà Đầu tư gửi cho Chubb Life FMC, Đại lý Ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể, thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
- 25.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể, Chubb Life FMC có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 này. Trong trường hợp này, Chứng chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo khoản 1 Điều 25 này tại mức giá được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể, và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua lại hoặc Giá dịch vụ Chuyển đổi.

CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ

- 26.1. Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập.
- 26.2. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
- tối thiểu một (01) thành viên độc lập, có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
 - tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về Pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- 26.3. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể được bầu lại mà không giới hạn số nhiệm kỳ.

Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

- 27.1. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
- có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu; và
 - không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát (đối với thành viên độc lập).
- 27.2. Thành viên Ban Đại diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
- 27.3. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu có) Ban Đại diện Quỹ thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của quỹ đầu tư.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

- 28.1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật có liên quan, Ban Đại diện Quỹ còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:
- đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu tư;
 - phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
 - phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ;
 - chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua,

bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ;

- e) quyết định mức lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên đề xuất của Chubb Life FMC phù hợp với phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt;
- f) phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của Pháp luật;
- g) yêu cầu Chubb Life FMC, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát; và
- h) trong trường hợp được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 22 Điều lệ quỹ.

28.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ ra quyết định các vấn đề theo quy định tại điểm (h) của khoản 1 Điều 28 này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Chubb Life FMC, phải gửi UBCKNN và Ngân hàng Giám sát biên bản họp và quyết định của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu tư theo phương thức quy định tại Điều lệ quỹ. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp và quyết định của Ban Đại diện Quỹ và các tài liệu khác liên quan, nếu UBCKNN không có ý kiến bằng văn bản, Chubb Life FMC và các tổ chức liên quan được tổ chức thực hiện quyết định của Ban Đại diện Quỹ theo quy định của Pháp luật.

28.3. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

28.4. Ban Đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp cung cấp các thông tin bảo mật về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin được xem là thông tin mật khác của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thỏa thuận về bảo mật thông tin với Quỹ cho bất kỳ đối tượng nào.

28.5. Ban Đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định.

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

29.1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu một thành viên Ban Đại diện Quỹ làm Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập và đáp ứng điều kiện được quy định tại khoản 1 và 3 Điều 27 nêu trên.

29.2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
- b) chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; và
- c) theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ.

Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền bằng văn bản sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người nào được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc đa số. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 31. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ

31.1. Thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau:

- a) bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố;
- b) bị toà án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố mất tích, mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật có liên quan;
- d) tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quỹ;
- e) không tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ ba (03) lần liên tiếp mà không có lý do hợp lệ;
- f) không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 27.1 và 27.3 Điều 27 nêu trên; hoặc
- g) vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

31.2. Thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư khi thành viên Ban Đại diện Quỹ có đơn xin từ chức gửi Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà Đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban Đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư về việc miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ đó, tuy nhiên thành viên Ban Đại diện Quỹ đó không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.

31.3. Trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều 31 nêu trên, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 nêu trên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Chubb Life FMC có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 27 trên đây để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

31.4. Chubb Life FMC phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ và báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán nơi Chứng chỉ Quỹ niêm yết và Ngân hàng Giám sát về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại,

bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ đó trong vòng ba (03) Ngày Làm việc kể từ ngày công bố thông tin.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

- 32.1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 32.2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ bất thường được tiến hành khi có một trong các trường hợp sau: (a) theo yêu cầu của từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban Đại diện Quỹ; (b) theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ; hoặc (c) theo đề nghị của Ngân hàng Giám sát. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều này. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định và phải gửi cùng với các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và mẫu phiếu biểu quyết đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Ban Đại diện Quỹ được đăng ký.
- 32.3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ sẽ chỉ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban Đại diện Quỹ trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.
- 32.4. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể thực hiện bằng một trong các phương thức như họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn và bằng hình thức khác theo quy định của Pháp luật.
- 32.5. Thành viên Ban Đại diện Quỹ không được ủy quyền cho người khác thay mặt thành viên đó để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Ban Đại diện Quỹ. Thành viên Ban Đại diện Quỹ được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a) thành viên Ban Đại diện Quỹ đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) thành viên Ban Đại diện Quỹ đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; hoặc
 - c) thành viên Ban Đại diện Quỹ đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, hoặc thư điện tử.
- 32.6. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản phù hợp với khoản 5 Điều 32 trên đây. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết theo khoản 5 Điều 32 trên đây, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 32.7. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) số thành viên độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
- 32.8. Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

32.9. Chi phí tiến hành họp Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

32.10. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.

CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động quản lý Quỹ;
- b) không phải là Người có Liên quan của Ngân hàng Giám sát;
- c) có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ; và
- d) đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

34.1. Ngoài các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
- b) người đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng theo quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật;
- c) khi quản lý tài sản của Quỹ, phải ký hợp đồng lưu ký, Hợp đồng Giám sát với Ngân hàng Giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát;
- d) chỉ được đầu tư gửi tiền cho Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại Ngân hàng Giám sát để định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;
- e) lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ đăng ký cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát khi đầu tư, góp vốn giao dịch các tài sản cho Quỹ để định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
- f) tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- g) thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty Quản lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng lưu ký (nếu có), Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký (nếu có), Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ

và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;

- h) thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ;
- i) phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán để quản lý Quỹ. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;
- j) thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho chính Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất;
- k) trong hoạt động quản trị Quỹ, có trách nhiệm bảo đảm:
 - i) thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; và
 - ii) lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác vào sổ đăng ký Nhà Đầu tư;
- l) được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và Điều lệ quỹ;
- m) cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Giám sát để Ngân hàng Giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật, và đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng Giám sát tối thiểu một (01) tháng một lần;
- n) trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ, thì phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ, và phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ;
- o) xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của Pháp luật liên quan và Điều lệ quỹ;
- p) xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;

- q) chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty Quản lý Quỹ hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;
- r) mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của Pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm q khoản 1 Điều 34 này;
- s) có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu Đại lý Phân phối, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình KYC để tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo quy định của Pháp luật về AML và môi giới, giao dịch chứng khoán;
- t) trường hợp Quỹ được xem là Nhà Đầu tư nước ngoài, bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định Pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư;
- u) được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của Pháp luật liên quan, và việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- v) khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, phải bảo đảm:
 - i) khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
 - ii) khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ;
- w) bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu;
- x) khấu trừ, kê khai và nộp bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân chia cho Nhà Đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của Pháp luật; và
- y) phải bảo đảm:
 - i) tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có Liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ,

công ty con hoặc tổ chức là Người có Liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ; và

- ii) tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

34.2. Ngoài các quyền khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ còn có các quyền sau:

- a) nhận phí quản lý Quỹ và thưởng theo hoạt động phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và Pháp luật hiện hành;
- b) lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ quỹ;
- c) được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ, với điều kiện phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;
- d) đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
- e) từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Pháp luật hoặc cho Nhà Đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- f) thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Pháp luật;
- g) khi thực hiện quyền biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà Quỹ là cổ đông, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát được ủy quyền thực hiện thông qua theo quy định của Pháp luật;
- h) ký Hợp đồng Đại lý Phân phối với Đại lý Phân phối;
- i) thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của Pháp luật;
- j) tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và Ban Đại diện Quỹ;
- k) quyết định mức Giá dịch vụ Phát hành, Mua lại, Chuyển đổi, Chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ dựa trên khung phí được quy định trong Điều lệ quỹ;
- l) quyết định tần suất, thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ đảm bảo không ít hơn hai (02) lần một tháng;
- m) yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức quy định tại khoản 6 Điều 55 dưới đây; và
- n) quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các quy định khác của Pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- 35.1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
 - b) bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c) hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - d) Quỹ bị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều 65 dưới đây.
- 35.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Chubb Life FMC được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác thay thế Chubb Life FMC. Công ty Quản lý Quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 33 trên đây. Chubb Life FMC có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản lý Quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
- 35.3. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm (a) khoản 1 Điều 35 trên đây, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Chubb Life FMC một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ quỹ) nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Chubb Life FMC do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng, cụ thể như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
3,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

- 35.4. NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Chubb Life FMC là NAV bình quân theo báo cáo của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ được Ngân hàng Giám sát xác nhận.
- 35.5. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Chubb Life FMC phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- 36.1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan, có quan hệ sở hữu của Ngân hàng Giám sát. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ tùy từng trường hợp cụ thể không được đồng thời làm việc cho Ngân hàng Giám sát.
- 36.2. Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng tài sản của Quỹ do mình quản lý để đầu tư vào các quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý.

- 36.3. Những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, những người điều hành của Quỹ và những Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ thông qua Đại lý phân phối như một Nhà đầu tư thông thường.
- 36.4. Công ty Quản lý Quỹ, Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục của Quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
- a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, về phương thức xác định giá giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
- 36.5. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của tổ chức đó.
- 36.6. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
- 36.7. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.
- 36.8. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không hợp lý cho Quỹ.
- 36.9. Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ, ngoại trừ các khoản phí, thường quy định tại Điều lệ quỹ.
- 36.10. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản lý Quỹ, Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của chính Công ty Quản lý Quỹ, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ đối tác nào.
- 36.11. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
- b) không được là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ;
- c) có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và
- d) thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

38.1. Ngoài các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Ngân hàng Giám sát còn có các nghĩa vụ sau:

- a) luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của Nhà Đầu tư;
- b) chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng Giám sát;
- c) đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- d) cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Pháp luật liên quan, Hợp đồng lưu ký, giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- f) đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định Pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
- h) xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định Pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ; và
- k) thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập

hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ.

- 38.2. Ngoài các quyền khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Ngân hàng Giám sát còn có các quyền sau:
- a) hưởng các loại phí cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ và Hợp đồng Giám sát nhưng không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho mình hoặc cho các bên thứ ba;
 - b) tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;
 - c) yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ quỹ và các quy định khác của Pháp luật; và
 - d) kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát nêu tại Điều lệ quỹ để phù hợp với Hợp đồng Giám sát và Pháp luật.

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

39.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng Giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

- a) phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ;
- b) kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định. Cụ thể:
 - i) trường hợp là tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của Quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của Pháp luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ phải được lưu ký đầy đủ tại Ngân hàng Giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho Quỹ chưa hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát;

- ii) trường hợp là tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại diện Quỹ;
 - iii) trường hợp là tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành;
 - iv) trường hợp là tiền gửi ngân hàng, Ngân hàng Giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;
 - c) giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản của Quỹ;
 - d) giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ;
 - e) Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân hàng Giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó; và
 - f) kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ.
- 39.2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
- 39.3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
- 39.4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu tư và các thông tin cần thiết liên

quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật.

- 39.5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 39 này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu tư. Ngân hàng Giám sát sẽ và đảm bảo rằng các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát sẽ cung cấp biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
- 39.6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại điểm (n) khoản 1 Điều 34 nêu trên và Pháp luật, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của Pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ quỹ.
- 39.7. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trong Hợp đồng Giám sát và các thỏa thuận khác, nếu có, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

- 40.1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo một trong các trường hợp sau:
- a) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
 - b) Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc tuyên bố phá sản;
 - c) theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
 - d) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - e) Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán; hoặc
 - f) theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng Giám sát.
- 40.2. Trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 40 này, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý Quỹ tìm được ngân

hàng giám sát thay thế cho Ngân hàng Giám sát và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và Ngân hàng Giám sát hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho ngân hàng giám sát nhận bàn giao. Ngân hàng giám sát nhận bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN và phải tuân thủ theo quy định Pháp luật về việc thay đổi Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền

- 41.1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng lưu ký cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư ("**Dịch vụ Quản trị Quỹ**") như sau:
- ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ, ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; và
 - thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý Quỹ.
- 41.2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng ("**Dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng**") như sau:
- lập và quản lý Sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
 - giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
 - ghi nhận các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà Đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính;
 - hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư;
 - duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - cung cấp cho Nhà Đầu tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác; và
 - thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý Quỹ.
- 41.3. Tùy từng thời điểm, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khác để cung cấp các dịch vụ khác, nếu có phát sinh, trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật liên quan và Điều lệ quỹ.

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan

- 42.1. Tiêu chí chung:
- là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
 - có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;

- c) có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
- d) am hiểu về luật pháp có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
- e) cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ; và
- f) phải sẵn sàng cho hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

42.2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 43. Trách nhiệm của Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan

43.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

- Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và bất kỳ tổ chức nhận ủy quyền nào khác (“**Bên nhận ủy quyền**”) phải thực hiện các công việc được ủy quyền theo đúng phạm vi, yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các công việc được ủy quyền theo quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ, Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyển Nhượng, và các hợp đồng dịch vụ khác có liên quan.
- Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động nhận ủy quyền theo quy định của Pháp luật.
- Bộ phận cung cấp dịch vụ của Bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của Bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

43.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các Bên nhận ủy quyền: theo quy định tại Điều 41 Điều lệ quỹ.

43.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện công việc được ủy quyền phải được Bên nhận ủy quyền quản lý độc lập với các bộ phận khác của Bên nhận ủy quyền và lưu trữ trong thời hạn phù hợp với quy định Pháp luật.

43.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ.

43.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ tất cả các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hoạt động ủy quyền theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ nhằm phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định.

Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

44.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.

- 44.2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ (bao gồm Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyên Nhận) với Bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Bên nhận ủy quyền bảo đảm Bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.
- 44.3. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của Bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
- 44.4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
- 44.5. Công ty Quản lý Quỹ duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- 44.6. Công ty Quản lý Quỹ xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- 44.7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.
- 44.8. Công ty Quản lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho Bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- 44.9. Công ty Quản lý Quỹ lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho Bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
- 44.10. Tối thiểu một (01) năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
- chi phí phải trả cho Bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho Bên nhận ủy quyền (trường hợp Bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ); và
 - đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa ... của Bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

- 45.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận ủy quyền sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyển Nhượng, và các hợp đồng dịch vụ khác có liên quan, tùy từng trường hợp cụ thể, giữa Công ty Quản lý Quỹ và Bên nhận ủy quyền bị chấm dứt;
 - b) Bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d) theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - g) Bên nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về chức năng thực hiện công việc được ủy quyền; hoặc
 - h) Bên nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
- 45.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Bên nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho một bên nhận ủy quyền khác nhận bàn giao hoặc với Công ty Quản lý Quỹ. Việc bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 46. Hoạt động và tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối

- 46.1. Công ty Quản lý Quỹ được tự mình phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 46 này, hoặc giao cho Đại lý Phân phối để thực hiện việc phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư với các nội dung hoạt động được quy định tại khoản 4 Điều 46 này.
- 46.2. Đại lý Phân phối chỉ được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn nếu đáp ứng các điều kiện sau:
- là tổ chức được phép thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp luật; và
 - có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại lý Phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của Đại lý Phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của Pháp luật và Hợp đồng Đại lý Phân phối.

- 46.3. Công ty Quản lý Quỹ được tự mình phân phối Chứng chỉ Quỹ với điều kiện Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo:
- việc chào bán phát hành được thực hiện tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của Công ty Quản lý Quỹ. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, thư điện tử tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán; và
 - các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.
- 46.4. Phạm vi dịch vụ của Đại lý Phân phối cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ (“**Dịch vụ Đại lý Phân phối**”) bao gồm:
- tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp luật chứng khoán và các quy định về AML và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
 - nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác.

- Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư;
- c) hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của Pháp luật;
 - d) duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thông kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác cho Nhà Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
 - e) hỗ trợ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư; và
 - f) tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư và cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

- 47.1. Đại lý Phân phối, Nhân viên phân phối của Đại lý Phân phối hoặc Công ty Quản lý Quỹ ("**Nhân viên Phân phối**") phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên Phân phối không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.
- 47.2. Nhân viên Phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên Phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 47.3. Nhân viên Phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 47.4. Nhân viên Phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm Quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn, và không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.

- 47.5. Đại lý Phân phối, Nhân viên Phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- 47.6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và Hợp đồng Đại lý Phân phối.
- 47.7. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc chưa được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ của Đại lý Phân phối khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
- 47.8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động của Đại lý Phân phối

- 48.1. Đại lý Phân phối chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ theo một trong các trường hợp sau:
- Hợp đồng Đại lý Phân phối bị chấm dứt;
 - Đại lý Phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ;
 - Đại lý Phân phối bị chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc tuyên bố phá sản; hoặc
 - Đại lý Phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
- 48.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Đại lý Phân phối chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho đại lý phân phối khác nhận bàn giao và/hoặc Công ty Quản lý Quỹ. Việc bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa các tổ chức nêu trên.

Điều 49. Hoạt động của Đại lý Ký danh

- 49.1. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan (nếu được Công ty Quản lý Quỹ cho phép) được giao cho Đại lý Ký danh, với các tiêu chuẩn lựa chọn áp dụng đối với Đại lý Phân phối theo quy định tại khoản 2 Điều 46 nêu trên, cung cấp dịch vụ đại lý ký danh ("**Dịch vụ Đại lý Ký danh**") với các nội dung hoạt động sau đây:
- thực hiện chức năng Đại lý Phân phối và cung cấp Dịch vụ Đại lý Phân phối được quy định tại khoản 4 Điều 46 trên đây đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu tư;
 - lập và quản lý Sổ phụ đối với Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin

về Nhà Đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan; và

- c) thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư, bảo đảm Lệnh Mua được thực hiện đầy đủ, Lệnh Bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

49.2. Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì không được đồng thời làm Đại lý Ký danh và không được đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác, trừ trường hợp có chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ.

49.3. Ngoài các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Đại lý Ký danh còn có các nghĩa vụ sau:

- a) Đại lý Ký danh có trách nhiệm tuân thủ quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều 47 trên đây;
- b) Đại lý Ký danh chỉ đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho Nhà Đầu tư tại Sở phụ và tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của Đại lý Ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu tư tại Sở phụ. Nhà Đầu tư đó được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Đơn vị Quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nếu có yêu cầu của Nhà Đầu tư đó, Đại lý Ký danh có nghĩa vụ thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số Đơn vị Quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu tư (nếu có);
- c) Đại lý Ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng Nhà Đầu tư và tổng số dư trên các tiểu khoản phải khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó tại Sở chính;
- d) Đại lý Ký danh phải cung cấp thông tin về tiểu khoản và sao kê tài khoản của từng Nhà Đầu Tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan hoặc cho Nhà Đầu Tư khi có yêu cầu bằng văn bản;
- e) Đại lý Ký danh phải thường xuyên đối chiếu, soát xét bảo đảm số dư trên tiểu khoản phù hợp với số liệu, thực trạng sở hữu của Nhà Đầu tư đó tại Sở chính, trừ trường hợp Đại lý Ký danh là đại lý ký danh ở nước ngoài;
- f) Đại lý Ký danh phải cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của Nhà Đầu tư nước ngoài và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu bằng văn bản, trừ trường hợp Đại lý Ký danh là đại lý ký danh ở nước ngoài mở tài khoản ký danh đã đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành;
- g) Đại lý Ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý Ký danh muốn giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh, theo quy định của Pháp luật;
- h) Đại lý Ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới

tài sản của Nhà Đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của Nhà Đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của Pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu tư; và

i) Đại lý Ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Ngân hàng Giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư theo quy định của Pháp luật. Đại lý Ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu. Ngân hàng Giám sát, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Ký danh cùng xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản này, bảo đảm:

i) theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; và

ii) tiền (nếu có) của Nhà Đầu tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan có trách nhiệm báo cáo UBCKNN và thông báo cho Nhà Đầu tư trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

49.4. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc từ Nhà Đầu tư, Đại lý Ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu tư.

49.5. Công việc của Đại lý Ký danh sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Hợp đồng Đại lý Ký danh bị chấm dứt;

b) Đại lý Ký danh bị chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc tuyên bố phá sản; hoặc

c) Đại lý Ký danh không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý ký danh theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

49.6. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Đại lý Ký danh chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho đại lý ký danh khác nhận bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan. Việc bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa các tổ chức nêu trên có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

- 50.1. Việc lựa chọn Công ty Kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ, Ban Đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Chubb Life FMC. Chubb Life FMC sẽ đề xuất với Ban Đại diện Quỹ ít nhất hai (02) Công ty Kiểm toán để Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn.
- 50.2. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật;
 - b) được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c) có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
 - d) không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát.
- 50.3. Các báo cáo tài chính bán niên/hàng năm sẽ được soát xét/kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán được lựa chọn. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Chubb Life FMC và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán được ký kết giữa Chubb Life FMC và Công ty Kiểm toán và Điều lệ quỹ, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của Pháp luật và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 51. Năm Tài chính

- 51.1. Năm Tài chính là giai đoạn mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
- 51.2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định. Đồng (VNĐ) sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

Điều 53. Báo cáo tài chính

- 53.1. Chubb Life FMC có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của Pháp luật.

- 53.2. Báo cáo tài chính bán niên/hàng năm sẽ được soát xét/kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập được lựa chọn.
- 53.3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC để Nhà Đầu tư có thể tham khảo theo quy định của Điều lệ quỹ.
- 53.4. Chubb Life FMC phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 54. Báo cáo khác

Chubb Life FMC phải tuân thủ các quy định của UBCKNN và Pháp luật về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà Đầu tư các báo cáo khác bao gồm nhưng không giới hạn:

- Báo cáo về hoạt động của Quỹ;
- Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm; và
- Báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo bán niên và báo cáo năm về hoạt động đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

- 55.1. Chubb Life FMC có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- 55.2. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Chubb Life FMC chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Chubb Life FMC điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
- 55.3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 55.4. Chubb Life FMC được ủy quyền cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Chubb Life FMC có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là phù hợp các quy định của Pháp luật, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được tính chính xác.
- 55.5. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
- 55.6. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mức vốn huy động ban đầu, hoặc giảm xuống thấp hơn 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng), Chubb Life FMC phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong vòng sáu (06) tháng liên tục, Chubb Life FMC phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.

Điều 56. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

- 56.1. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá ("**Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ**").
- 56.2. Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá ("**Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ**"). Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- 56.3. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá do Chubb Life FMC xây dựng phù hợp với Điều lệ quỹ và các quy định có liên

quan và đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua và được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

56.4. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải tuân thủ Pháp luật và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.

Điều 57. Quy trình định giá tài sản Quỹ

57.1. Trước hoặc vào Ngày Định giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng chỉ Quỹ sau Ngày Giao dịch cuối cùng gần nhất;
- hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ;
- hàng tuần đối chiếu số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành với Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng;
- trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định giá;
- trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí lưu ký và giám sát, chi phí Dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng, chi phí Dịch vụ Quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định giá;
- thu thập giá chứng khoán giao dịch, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu từ các nguồn chính thống để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định giá;
- thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư; và
- Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được tính toán bằng các nguyên tắc định giá hợp lý và phù hợp với quy định của UBCKNN và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.

57.2. Ngay tại ngày sau Ngày Định Giá

- Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ; và
- Chubb Life FMC công bố Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ.

57.3. Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm việc sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư và cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại Sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý Phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu tư và cập nhật vào Sổ phụ.

57.4. Trong thời hạn năm (05) Ngày Làm việc sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Chubb Life FMC sẽ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu tư.

Điều 58. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ

- 58.1. Chubb Life FMC có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ không phải bảy mươi lăm phần trăm (0,75%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trở lên.
- 58.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày điều chỉnh lại giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, mức độ thiệt hại của các nhà đầu tư, kèm theo danh sách các nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng nhà đầu tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và nhà đầu tư chịu thiệt hại với các mức thanh toán theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 58.
- 58.3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
- đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã bán.
 - đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
- 58.4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
- đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.
 - đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
- 58.5. Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Chubb Life FMC. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 58, điểm a khoản 4 Điều 58 này được hạch toán vào Quỹ nếu được Đại hội Nhà Đầu tư chấp nhận.
- 58.6. Chubb Life FMC hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn 100.000 VNĐ (một trăm ngàn đồng) nhưng toàn bộ phần thanh toán của Chubb Life FMC phải được đưa vào Quỹ và ghi nhận thu nhập cho Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ có quyết định khác.
- 58.7. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho quỹ trong trường hợp:
- Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ quỹ; hoặc

b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại điều lệ quỹ, quy định của pháp luật; hoặc

c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11.

Mức đền bù cho quỹ trong các trường hợp quy định ở trên được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho quỹ

Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

59.1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

- a) Chubb Life FMC lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá (tối thiểu gồm ba (03) tổ chức).
- b) Việc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá chỉ phục vụ cho việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ.
- c) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Chubb Life FMC lựa chọn và được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

59.2. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

- a) là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật;
- b) các hệ thống báo giá trái phiếu; và
- c) không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG XII

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 60. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

- lãi trái phiếu;
- lãi tiền gửi;
- thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
- các khoản thu nhập hợp pháp khác.

Điều 61. Lợi nhuận của Quỹ

- 61.1. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- 61.2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch. Khối lượng Đơn vị Quỹ được phân chia trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày chốt danh sách Nhà Đầu tư.
- 61.3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.
- 61.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
 - b) tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và
 - e) các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.
- 61.5. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.
- 61.6. Vì quyền lợi của Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư. Ban Đại diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại hội Nhà Đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.

Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ

Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản chi phí sau thuế, bao gồm các khoản được quy định tại Điều 62 này.

62.1. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ Quản lý Quỹ là không phải chín phần trăm (0,9%) (tương đương chín mươi điểm cơ bản) trong một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá, chưa bao gồm Thuế GTGT, được ghi nhận vào chi phí hoạt động của Quỹ vào Ngày Định giá, và được trả sau cho Chubb Life FMC trong vòng mười (10) Ngày Làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ Quản lý Quỹ = 0,9% * Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại Ngày Định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

62.2. Giá dịch vụ Lưu ký tài sản, Giá dịch vụ Giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát

Giá dịch vụ Lưu ký tài sản là không phải không năm phần trăm (0,05%) (tương đương năm điểm cơ bản) trong một năm trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá với mức tối thiểu là 11.500.000 VNĐ (mười một triệu năm trăm ngàn đồng) một tháng, chưa bao gồm Thuế GTGT. Giá dịch vụ Lưu ký tài sản chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch, được tính toán và cộng dồn hàng ngày, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Tổng Giá dịch vụ Giám sát và Giá dịch vụ Lưu ký tài sản sẽ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Giá dịch vụ Giám sát là không phải không ba phần trăm (0,03%) (tương đương ba điểm cơ bản) trong một năm trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng, chưa bao gồm Thuế GTGT. Giá dịch vụ Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

62.3. Giá dịch vụ Quản trị Quỹ, Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và các chi phí khác mà Chubb Life FMC trả cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan

Giá dịch vụ Quản trị Quỹ là không phải không bốn phần trăm (0,04%) (tương đương bốn điểm cơ bản) trong một năm trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 26.500.000 VNĐ (hai mươi sáu triệu năm ngàn đồng) một tháng, chưa bao gồm Thuế GTGT. Giá dịch vụ Quản trị Quỹ, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ.

Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Đại lý Chuyển nhượng.

STT	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm Thuế GTGT)
1.	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 VNĐ/tháng

STT	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm Thuế GTGT)
2.	Giá dịch vụ thực hiện quyền: - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 VNĐ/lần lập danh sách Miễn phí

62.4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán

Chi phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối Năm Tài chính của Quỹ.

62.5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.

62.6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.

62.7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

62.8. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIII TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

- 63.1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp Pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.
- 63.2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 64. Các điều kiện tách Quỹ

- 64.1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong một trong các trường hợp sau:
- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
 - b) các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- 64.2. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ

- 65.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp đồng Giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt Hợp đồng Giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; hoặc
 - d) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) liên tục trong sáu (06) tháng.
- 65.2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ

66.1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

- tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; và
- tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

66.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc, tùy từng trường hợp cụ thể, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật hiện hành.

66.3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

- 67.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 67.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà Đầu tư thông kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.
- 67.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo hoạt động của Quỹ bán niên và hàng năm, báo cáo thông kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và hàng năm và báo cáo về các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của Quỹ và các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật.
- 67.4. Các tài liệu quy định tại khoản 2 và 3 Điều 67 này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà Đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa Năm Tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính. Nhà Đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 67 này.
- 67.5. Trường hợp Nhà Đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ

- 68.1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ quỹ không còn phù hợp, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư để xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư:
 - a) việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định Pháp luật; hoặc
 - b) lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ quỹ.
- 68.2. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ quỹ thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định Pháp luật có liên quan khác.

Điều 69. Đăng ký Điều lệ quỹ

- 69.1. Điều lệ quỹ gồm 15 Chương, 70 Điều và 04 Phụ lục.
- 69.2. Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ quỹ.
- 69.3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại diện Quỹ.
- 69.4. Điều lệ quỹ được lập thành năm (05) bản có giá trị ngang nhau:
 - a) một (01) bản để báo cáo với UBCKNN;
 - b) ba (03) bản được lưu tại Chubb Life FMC; và

- c) một (01) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Điều 70. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập và Điều lệ quỹ có hiệu lực kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Chubb Life FMC chịu trách nhiệm phối hợp với Nhà Đầu tư để hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của Pháp luật.

Đại diện
Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life *He An*
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
CHUBB LIFE
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồng Sơn
Phó Chủ tịch công ty

PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013;
- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 9 năm 2015; và
- Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC- UBCK do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 4 năm 2016

cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ CBPF:

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư;
3. đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm;
4. trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
5. định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a) các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - b) các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) bản đánh giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ; và
 - d) các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác;
6. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu;
7. không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Chubb Life FMC hoặc những người có liên quan đến Chubb Life FMC có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp Pháp luật cho phép;
8. không sử dụng vị thế của Chubb Life FMC trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Chubb Life FMC hoặc những Người có Liên quan của Chubb Life FMC hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư;
9. thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo yêu cầu;
11. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Chubb Life FMC cho Nhà Đầu tư theo yêu cầu;

12. đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Chubb Life FMC hoặc người đại diện Chubb Life FMC công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của Pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu tư;
13. cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát không thống nhất; và
15. thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của Pháp luật.

Đại diện

Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life



Nguyễn Hồng Sơn
Phó Chủ tịch công ty

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008; và
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015

cam kết:

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát;
2. đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm;
3. thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ;
4. thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Chubb Life FMC theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát;
5. tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Chubb Life FMC và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát;
6. giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo các quy định của Pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ;
7. đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Chubb Life FMC không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Chubb Life FMC hoặc những Người có Liên quan của Chubb Life FMC làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư; và
8. đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên

Standard Chartered (Việt Nam)



LÊ SỸ HOÀNG

Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life

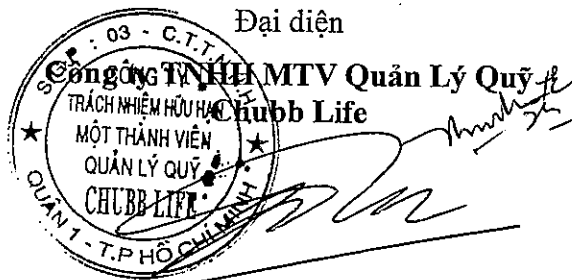
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013;
- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 9 năm 2015; và
- Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 4 năm 2016

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

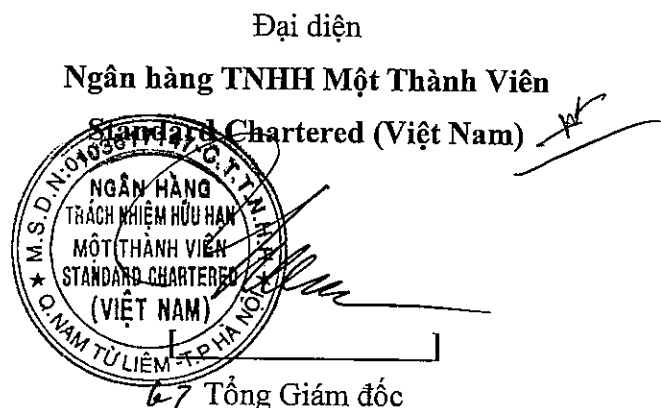
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008; và
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015

cùng cam kết:

1. thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho Nhà Đầu tư;
2. tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng Thành viên của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn; và
4. không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch.



Nguyễn Hồng Sơn
Phó Chủ tịch công ty



LÊ SỸ HOÀNG
67 Tổng Giám đốc
Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán

PHỤ LỤC 04: ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

1. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương	<p>là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá thì Giá trị của trái phiếu niêm yết được định giá ưu tiên theo thứ tự các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bình quân báo giá tại ngày trước Ngày Định giá của ba (03) Tổ chức Báo Giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Bình quân báo giá tại ngày trước Ngày Định giá của hai (02) Tổ chức Báo Giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<p>Trong trường hợp trái phiếu có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá nhưng giá trái phiếu của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất thì giá trái phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (Discount Cashflow).</p>
6.	Trái phiếu doanh nghiệp	<p>là giá sạch (giá clean) tính từ giá yết (giá dirty) trên hệ thống giao dịch của HOSE, tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá, cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bình quân báo giá (giá sạch) tại ngày trước Ngày Định giá của ba (03) Tổ chức Báo Giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Bình quân báo giá (giá sạch) tại ngày trước Ngày Định giá của hai (02) Tổ chức Báo Giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.
7.	Trái phiếu doanh nghiệp khác	<p>Trái phiếu trong giai đoạn đấu thầu mà chưa có giá niêm yết được định giá bằng giá trúng thầu.</p> <p>Trái phiếu doanh nghiệp khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</p>

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
8.	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	<p>Trái phiếu không niêm yết được định giá theo thứ tự các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trái phiếu sẽ được tính bình quân báo giá tại ngày trước Ngày Định giá của ba (03) Tổ chức Báo Giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Trái phiếu sẽ được tính bình quân báo giá tại ngày trước Ngày Định giá của hai (02) Tổ chức Báo Giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế đến ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế đến hết ngày trước Ngày Định giá.
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) là giá của kỳ báo giá gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách.
10.	Cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) là giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách.
11.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức cung cấp báo giá; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách.
12.	Cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch bị chuyển sàn giao dịch chứng khoán	Giá cổ phiếu sẽ được xác định bằng thị giá cuối ngày tại Ngày Giao Dịch cuối cùng trước khi bị chuyển sàn.
13.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách được chi tiết trong phụ lục của sổ tay định giá; + Mệnh giá.
14.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá;

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá.
15.	Quyền mua cổ phiếu	Được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá đóng cửa Cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
16.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác sẽ được Chubb Life FMC đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
Các tài sản khác		
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Chubb Life FMC đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp chỉ số định giá so sánh được quy định tại sổ tay định giá.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/HNX...) để tham khảo.
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- a) Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- b) Khi tính giá trị cam kết, Chubb Life FMC được áp dụng:
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng X khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng X giá thị trường hiện tại của cổ phiếu X hệ số delta ² .
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng X mệnh giá X giá thị trường hiện tại của trái phiếu X hệ số delta.
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng X giá trị tính trên một điểm chỉ số X mức chỉ số hiện tại.
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng X giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) X giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Chubb Life FMC lựa chọn, thông nhất cùng Ngân hàng Giám sát, và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

¹ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể xem bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Chubb Life FMC xác định sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

³ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

